

Số: /QĐ-UBND

Hoàng Diệu, ngày 03 tháng 7 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách xã
6 tháng đầu năm 2023 của xã Hoàng Diệu**

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ HOÀNG DIỆU

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015; Nghị định số
163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi
hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài
chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;*

*Căn cứ Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 28/12/2022 của Hội đồng nhân dân xã
Hoàng Diệu về việc phê duyệt dự toán thu chi ngân sách xã năm 2023;*

Theo đề nghị của Công chức Tài chính - Kế toán xã Hoàng Diệu.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách xã 6 tháng đầu
năm 2022 của xã Hoàng Diệu (theo các biểu kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Văn phòng HĐND-UBND; Tài chính - Kế toán xã Hoàng Diệu tổ chức
thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ủy ban nhân dân huyện;
- Phòng Tài chính huyện;
- TV Đảng ủy xã;
- TT HĐND xã;
- Cơ quan của các đoàn thể ở xã;
- Các trưởng thôn trong xã;
- Lưu: VP.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Đức Du

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2023

Đơn vị: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (06 THÁNG, NĂM)	SO SÁNH (%)
A	B	1	2	3 = 2/1
I	TỔNG SỐ THU	10.367.455	4.146.682	40,00
1	Các khoản thu xã hưởng 100 %	692.705	705.271	101,81
2	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	4.997.000	249.986	5,00
3	Thu bổ sung	4.677.750	2.324.750	49,70
	- Bổ sung cân đối ngân sách	4.596.000	2.250.000	48,96
	- Bổ sung có mục tiêu	81.750	74.750	91,44
4	Thu chuyển nguồn		866.676	
II	TỔNG SỐ CHI	10.367.455	3.308.992	31,92
1	Chi đầu tư phát triển	5.058.705	558.705	11,04
2	Chi thường xuyên	5.308.750	2.750.287	51,81
3	Dự phòng			

Ghi chú: (1) Bao gồm 4 khoản thuế, lệ phí Luật NSNN quy định cho ngân sách xã hưởng và những khoản thu ngân sách địa phương được hưởng dùng để phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) cho xã.

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2023

Đơn vị: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM		ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (06 THÁNG, NĂM)		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5 = 3/1	6 = 4/2
	Tổng số thu	10.367.455	10.367.455	4.146.682	4.146.682	40,00	40,00
I	Các khoản thu 100%	692.705	692.705	705.271	705.271	101,81	101,81
1	Phí, lệ phí	18.000	18.000	7.181	7.181	39,89	39,89
2	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	614.705	614.705	677.422	677.422	110,20	110,20
3	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp						
4	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định			20.350	20.350		
5	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định						
6	Đóng góp của nhân dân theo quy định						
7	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân						
8	Thu khác	60.000	60.000	318	318	0,53	0,53
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	4.997.000	4.997.000	249.986	249.986	5,00	5,00
1	Các khoản thu phân chia	281.000	281.000	35.278	35.278	12,55	12,55
1.1	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	60.000	60.000	72	72	0,12	0,12
1.2	Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình						
1.3	Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	21.000	21.000	19.300	19.300	91,90	91,90
1.4	Lệ phí trước bạ nhà, đất	200.000	200.000	15.905	15.905	7,95	7,95
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	4.716.000	4.716.000	214.708	214.708	4,55	4,55
2.1	Thu tiền sử dụng đất	4.500.000	4.500.000	80.631	80.631	1,79	1,79

2.2	Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước						
2.3	Thuế tài nguyên						
2.4	Thuế giá trị gia tăng	136.000	136.000	72.574	72.574	53,36	53,36
2.5	Thuế thu nhập doanh nghiệp						
2.6	Thuế thu nhập cá nhân	80.000	80.000	61.503	61.503	76,88	76,88
2.7	Thuế tiêu thụ đặc biệt						
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						
IV	Thu chuyển nguồn			866.676	866.676		
V	Thu kết dư ngân sách năm trước						
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	4.677.750	4.677.750	2.324.750	2.324.750	49,70	49,70
1	Thu bổ sung cân đối	4.596.000	4.596.000	2.250.000	2.250.000	48,96	48,96
2	Thu bổ sung có mục tiêu	81.750	81.750	74.750	74.750	91,44	91,44

